

Số: 06 /2014/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 21 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị; Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30/06/2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Căn cứ Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 20/TTr-SGTVT ngày 06/3/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

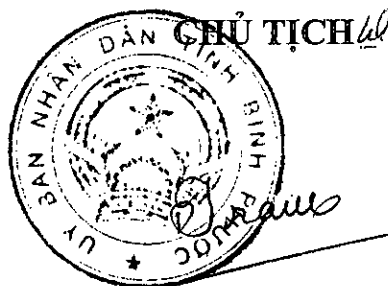
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của UBND tỉnh về việc Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điều 3, Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của UBND tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Văn Trăm

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, PCT.UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, P. KTN,
Trung tâm Tin học - Công báo,
Website tỉnh;
- Lưu: VT (T01). 16c

QUY ĐỊNH
Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2014/QĐ-UBND ngày 21 / 3 /2014
của UBND tỉnh Bình Phước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm: bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ; thẩm định an toàn giao thông; trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (viết tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (viết tắt là UBND cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.
2. Công trình đường bộ gồm đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.
3. Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.
4. Đất của đường bộ là phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.
5. Hành lang an toàn đường bộ là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ, tính từ mép ngoài đất của đường bộ ra hai bên để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.
6. Phần đường xe chạy là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông qua lại.
7. Làn đường là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có bề rộng đủ cho xe chạy an toàn.

8. Khổ giới hạn của đường bộ là khoảng trống có kích thước giới hạn về chiều cao, chiều rộng của đường, cầu, bến phà, hầm đường bộ để các xe kể cả hàng hóa xếp trên xe đi qua được an toàn.

9. Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

10. Dải phân cách là bộ phận của đường để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt hoặc để phân chia phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ. Dải phân cách gồm loại cố định và loại di động.

11. Nơi đường giao nhau cùng mức (sau đây gọi là nơi đường giao nhau) là nơi hai hay nhiều đường bộ gặp nhau trên cùng một mặt phẳng, gồm cả mặt bằng hình thành vị trí giao nhau đó.

12. Đường cao tốc là đường dành cho xe cơ giới, có dải phân cách chia đường cho xe chạy hai chiều riêng biệt; không giao nhau cùng mức với một hoặc các đường khác; được bố trí đầy đủ trang thiết bị phục vụ, bảo đảm giao thông liên tục, an toàn, rút ngắn thời gian hành trình và chỉ cho xe ra, vào ở những điểm nhất định.

13. Đường chính là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

14. Đường nhánh là đường nối vào đường chính.

15. Đường ưu tiên là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

16. Đường gom là đường để gom hệ thống đường giao thông nội bộ của các khu đô thị, công nghiệp, kinh tế, dân cư, thương mại - dịch vụ và các đường khác vào đường chính hoặc vào đường nhánh trước khi đầu nối vào đường chính.

17. Quốc lộ (QL) là đường nối liền thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền trung tâm hành chính cấp tỉnh từ ba địa phương trở lên; đường nối liền từ cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế đến các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên đường bộ; đường có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, khu vực.

18. Đường tỉnh (ĐT) là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

19. Đường huyện (ĐH) là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

20. Đường xã (ĐX) là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, ấp, bản và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

21. Đường đô thị (hay đường phố) là đường bộ nằm trong phạm vi nội thành, nội thị, được giới hạn bởi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

22. Đường chuyên dùng (ĐCD) là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.

23. Lê đường là phạm vi bảo vệ để mặt đường không bị sạt lở, xói mòn, đảm bảo an toàn cho lưu thông, có kết cấu bằng đất chọn lọc, sỏi đỏ, đá, nhựa, bê tông xi măng hoặc trồng cỏ.

24. Mái taluy là độ nghiêng (đốc) mái đường quy định cho mái đường đào (nếu cao độ mặt đường thấp hơn cao độ tự nhiên bên ngoài đường) và cho mái đường đắp (nếu cao độ mặt đường cao hơn cao độ thiên nhiên bên ngoài đường) gọi là mái taluy đường đắp (phần kế bên nền đường) hoặc mái taluy đường đào (phần ngoài của mương dọc).

25. Mép đường là điểm giao giữa lê đường và mái taluy đường (đối với nền đường đắp; là điểm giao nhau giữa lê đường và mương thoát nước dọc (đối với nền đường đào).

26. Tim đường là trục chuẩn của đường theo phương dọc đường, chia đường làm hai phần.

27. Thân đường là khoảng cách giữa hai chân taluy trong của đường.

28. Hệ thống báo hiệu đường bộ bao gồm cọc tiêu, biển báo, trụ cây số, đèn tín hiệu giao lộ, vạch sơn đường.

29. Vĩa hè là phần đường dành riêng cho người đi bộ đối với đường trong đô thị.

30. Chỉ giới đường đỏ là đường ranh giới phân định giữa phần lô đất để xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường bộ hoặc các công trình kỹ thuật.

31. Chỉ giới xây dựng là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình trên lô đất.

32. Hành lang bảo vệ đường bộ (HLBVĐB) là phạm vi đất dành cho đường bộ được quy đổi tính từ tim đường trở ra hai bên.

33. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

Chương II

BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm: đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ bao gồm: phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, để chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên như sau:

- a) Đường cao tốc, đường cấp I, đường cấp II là 03 mét;
- b) Đường cấp III là 02 mét;
- c) Đường từ cấp IV trở xuống là 01 mét.

3. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất dành cho đường bộ và thực hiện như sau:

a) Đối với đất của đường bộ, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Đối với đất hành lang an toàn đường bộ, chủ đầu tư tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy định như đối với hành lang đường bộ đang khai thác. Trường hợp công trình và các tài sản khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì chủ đầu tư tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Đối với đường bộ đang khai thác, cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương xác định giới hạn đất dành cho đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và lập kế hoạch thực hiện các công việc dưới đây:

a) Rà soát, xác định giới hạn phần đất của đường bộ; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Rà soát, xác định giới hạn phần đất hành lang an toàn đường bộ; tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy hoạch; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 5. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ

Hành lang an toàn đường bộ là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ xác định theo quy hoạch đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được quy định như sau:

1. Đối với đường ngoài đô thị, ngoài khu quy hoạch xây dựng được duyệt, căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, phạm vi hành lang an toàn đường bộ có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra hai bên là:

- a) 17 mét đối với đường cấp I, cấp II;
- b) 13 mét đối với đường cấp III;
- c) 09 mét đối với đường cấp IV, cấp V;
- d) 04 mét đối với đường có cấp thấp hơn cấp V;

e) Đường liên thôn, liên xã do UBND cấp huyện căn cứ vào tình hình của địa phương để dự thảo Quyết định Quy định cụ thể giới hạn hành lang an toàn đường bộ trình Sở Giao thông vận tải tham mưu UBND tỉnh ban hành.

Các nhà máy, xí nghiệp, trường học, cơ sở dịch vụ có những hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến môi trường giao thông, độ bền vững của công trình giao thông đường bộ phải cách xa giới hạn phía ngoài hành lang bảo vệ một khoảng cách đủ đảm bảo an toàn theo quy định của Pháp luật.

2. Đối với đường đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với đường cao tốc ngoài đô thị:

- a) 17 mét, tính từ đất của đường bộ ra mỗi bên;
- b) 20 mét, tính từ mép ngoài của kết cấu ngoài cùng ra mỗi bên đối với cầu cạn và hầm;
- c) Trường hợp đường cao tốc có đường bên, căn cứ vào cấp kỹ thuật của đường bên để xác định hành lang an toàn theo khoản 1 Điều này nhưng không được nhỏ hơn giới hạn hành lang an toàn được quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

4. Đối với đường cao tốc trong đô thị:

- a) Không nhỏ hơn 10 mét tính từ mép ngoài của kết cấu ngoài cùng ra mỗi bên đối với hầm và cầu cạn;
- b) Là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hầm và cầu cạn có đường bên và đường cao tốc có đường bên;
- c) Từ mép ngoài của mặt đường đến chỉ giới đường đỏ, nhưng không nhỏ hơn 10 mét đối với đường cao tốc không có đường bên.

5. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường sắt thì phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an toàn cho đường sắt, nhưng ranh giới hành lang an toàn dành cho đường sắt không được chồng lên công trình đường bộ.

Trường hợp đường bộ, đường sắt liền kề và chung nhau rãnh dọc thì ranh giới hành lang an toàn là mép đáy rãnh phía nền đường cao hơn, nếu cao độ bằng nhau thì ranh giới hành lang an toàn là mép đáy rãnh phía đường sắt.

6. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa thì ranh giới hành lang an toàn là mép bờ tự nhiên.

7. Xử lý hành lang an toàn đường cao tốc đã được xác định theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực:

a) Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã thực hiện xong hoặc đang thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, phạm vi hành lang an toàn giữ nguyên theo phạm vi đã được phê duyệt;

b) Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư dự án phê duyệt lại hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt lại phạm vi hành lang an toàn theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Giới hạn bảo vệ trên không của công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp hoặc cải tạo được quy định như sau:

1. Đối với đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) là 4,75 mét (bốn mét bảy lăm) tính từ điểm cao nhất của mặt đường trở lên theo phương thẳng đứng.

2. Đối với cầu là bộ phận kết cấu cao nhất của cầu, nhưng không thấp hơn 4,75 mét (bốn mét bảy lăm) tính từ điểm cao nhất mặt cầu (phần xe chạy) trở lên theo phương thẳng đứng.

3. Đối với cầu vượt trên đường bộ, khoảng cách tối thiểu tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ đến điểm thấp nhất của kết cấu nhịp cầu theo phương thẳng đứng (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) là 4,75 mét (bốn mét bảy lăm).

4. Chiều cao đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu từ điểm cao nhất của mặt đường đến đường dây thông tin (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) theo phương thẳng đứng là 5,5 mét (năm mét năm mươi).

5. Chiều cao đường dây tải điện đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo phương thẳng đứng từ điểm thấp nhất của đường dây tải điện ở trạng thái võng cực đại đến điểm cao nhất của mặt đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) tối thiểu là 4,75 mét (bốn mét bảy lăm) cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp do pháp luật về điện lực quy định.

Điều 7. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với các công trình cột điện, điện tín, điện thoại ở ngoài phạm vi nội thành, nội thị hoặc khu đông dân cư phải cách mép nền một khoảng cách ít nhất bằng 1,3 chiều cao của cột (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) khi chiều cao cột lớn hơn 4,0 mét, bằng 05 mét khi chiều cao của cột nhỏ hơn hoặc bằng 4,0 mét. Đối với các cột điện, điện tín, điện thoại nằm trong khu quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo nội dung quyết định đó.

Điều 8. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước đối với công trình đường bộ do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định đối với từng công trình cụ thể, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình và không ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo trì đường bộ.

Điều 9. Giới hạn hành lang an toàn đối với hầm đường bộ

1. Đối với hầm đường bộ ngoài đô thị là vùng đất, vùng nước xung quanh công trình được tính từ điểm ngoài cùng của công trình hầm trở ra là 100 mét.

2. Đối với hầm đường bộ trong đô thị do tư vấn thiết kế xác định trên cơ sở đảm bảo an toàn bên vũng hầm trong hồ sơ thiết kế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Phạm vi bảo vệ đối với một số công trình khác trên đường bộ

Phạm vi bảo vệ bến xe, bãi đỗ xe, nhà chờ xe, trạm cân xe, trạm điều khiển giao thông, trạm thu phí cầu đường và các công trình phục vụ quản lý đường bộ là phạm vi vùng đất, vùng nước thuộc diện tích của công trình đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 11. Giới hạn hành lang an toàn đối với kè, tường chắn, công trình chỉnh trị dòng nước được quy định như sau:

1. Kè chống xói để bảo vệ nền đường

a) Từ đầu kè và từ cuối kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét;

b) Từ chân kè trở ra sông 20 mét.

2. Kè chỉnh trị dòng nước

a) Từ chân kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100 mét;

b) Từ gốc kè trở vào bờ 50 mét;

c) Từ chân đầu kè trở ra sông 20 mét.

Điều 12. Giới hạn hành lang an toàn cầu, cống

1. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường ngoài đô thị

a) Theo chiều dọc cầu tính từ đuôi mố cầu ra mỗi bên:

- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét trở lên;

- 30 mét đối với cầu có chiều dài dưới 60 mét.

b) Theo chiều ngang cầu tính từ chân má tta luy rộng nhất đường đầu cầu trở ra mỗi phía:

- 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét;

- 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét;

- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét;

- 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

2. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường trong đô thị

a) Theo chiều dọc cầu được xác định như đối với cầu trên đường ngoài đô thị;

b) Theo chiều ngang cầu, đối với phần cầu chạy trên cạn kể cả phần cầu chạy trên phần đất không ngập nước thường xuyên và các cầu bắc qua sông, kênh, rạch không có hoạt động vận tải đường thủy được tính từ mép ngoài lan can ngoài cùng của cầu ra mỗi bên 07 mét, phần mở cầu như hành lang đường đô thị; đối với phần cầu còn lại, quy định như điểm b khoản 1 Điều này;

c) Tại các nút giao thông đô thị, các cầu vượt, hầm chui và cầu dành cho người đi bộ qua đường theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hành lang an toàn đối với cống

a) Theo chiều dọc cống:

- Về phía thượng lưu tương ứng với hành lang an toàn đường bộ nơi đặt cống;

- Về phía hạ lưu từ tim đường đến vị trí tiêu thoát nước ra sông, suối, vùng trũng.

b) Theo chiều ngang cống tính từ tim dòng chảy ra mỗi bên:

- 1,5 mét đối với cống có diện tích mặt cắt thoát nước nhỏ hơn 1 mét vuông;

- 2.0 mét đối với cống có diện tích mặt cắt thoát nước nhỏ hơn 1,5 mét vuông;

- 2,5 mét đối với cống có diện tích mặt cắt thoát nước lớn hơn 1,5 mét vuông.

Các địa phương trong quá trình cấp chứng nhận quyền sử dụng đất phải trừ phần diện tích đất dọc theo hướng dòng chảy phía hạ lưu cống ngang đường hiện hữu. Đối với các công trình giao thông được nâng cấp, mở rộng có bổ sung vị trí cống mới, chủ đầu tư căn cứ khẩu độ cống vị trí tiêu thoát nước để thực hiện giải phóng mặt bằng theo quy định.

Điều 13. Tầm nhìn nơi giao nhau

Để bảo đảm an toàn giao thông nơi giao lộ, thì tầm nhìn giao lộ phải thoáng không có chướng ngại vật. Quy định khoảng cách từ tim giao lộ về mỗi phía các tuyến đường cụ thể như sau:

1. 85 mét đối với các quốc lộ;

2. 65 mét đối với đường tỉnh;

3. 35 mét đối với đường huyện.

Đối với đường nội ô thị xã, thị trấn và các đường qua khu quy hoạch áp dụng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Quyết định số 18/2013/QĐ-

UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 14. Đối với các công trình đường bộ đã nâng cấp, cải tạo nhưng ở giai đoạn đầu chưa đúng với cấp đường quy hoạch thì hành lang bảo vệ vẫn phải xác định trên cơ sở cấp đường quy hoạch. Phạm vi bề rộng giải phóng mặt bằng hai bên đường đã được chủ dự án thực hiện khi nâng cấp, cải tạo đường nhằm đảm bảo an toàn cho thi công, an toàn cho quản lý khai thác nếu nhỏ hơn bề rộng hành lang bảo vệ của cấp đường quy hoạch thì không coi đó là bề rộng hành lang bảo vệ của đường.

Điều 15. Quy hoạch cấp đường đối với hệ thống QL, ĐT trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn phát triển đến năm 2030 như sau:

1. Các tuyến theo quy hoạch là đường cấp II, gồm:

a) ĐT.741B (đường Đồng Phú – Bình Dương);

b) ĐT.752B (đường Minh Hưng – Đồng Nơ – Tổng Lê Chân);

c) ĐT.752C (đường Xa Cát – Minh Đức).

2. Các tuyến theo quy hoạch là đường cấp III, gồm:

a) Quốc lộ 13;

b) Quốc lộ 14;

c) ĐT.741;

d) ĐT.751;

e) ĐT.752;

f) ĐT.753;

g) ĐT.753B (đường Phú Riềng – Bù Na - Nam Cát Tiên);

h) ĐT.754;

i) ĐT.754B (đường Đồng Tâm – Tà Thiết);

j) ĐT.754C (đường Hoa Lư – Tổng Lê Chân);

k) ĐT.755;

l) ĐT.755B (đường Sao Bông – Đăng Hà);

m) ĐT.756;

n) ĐT.756B (Nha Bích – Đồng Nơ);

o) ĐT.756C (xã Nha Bích – xã Tân Khai);

p) ĐT.757;

q) ĐT.757B;

r) ĐT.758;

- s) ĐT.759;
- t) ĐT.759B (đường Lộc Tấn – Hoàng Diệu);
- u) ĐT.760;
- v) ĐT.760B (đường Thọ Sơn – Bùi Gia Mập).

Điều 16. Xác định phạm vi đất dành cho đường bộ và HLBVĐB

1. Căn cứ vào cấp đường quy hoạch tại Điều 15 và quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này để xác định phạm vi đất dành cho đường bộ.

2. Quy đổi phạm vi đất dành cho đường bộ thành HLBVĐB.

Để thuận tiện cho việc quản lý phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý cấp phép xây dựng, thống nhất việc xác định phạm vi đất dành cho đường bộ được quy đổi tính từ tìm đường trở ra hai bên và được gọi là HLBVĐB (thay vì tính từ chân mái đường đắp hoặc đỉnh mái đường đào, hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hoặc rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên). HLBVĐB được xác định mỗi bên một khoảng cách bằng một phần hai bề rộng nền đường quy hoạch + bề rộng mương dọc (hoặc taluy đắp) + bề rộng đất bảo trì + bề rộng hành lang an toàn theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ đối với tuyến đường đó.

3. HLBVĐB các tuyến quốc lộ, đường tỉnh: được xác định cụ thể tại bảng phụ lục kèm theo.

4. HLBVĐB các tuyến đường huyện

a) Các tuyến đường có quy hoạch là đường cấp III thì HLBVĐB tối thiểu là 21 mét;

b) Các tuyến đường có quy hoạch là đường cấp IV, V thì HLBVĐB tối thiểu là 16 mét;

c) Các tuyến đường có quy hoạch có cấp thấp hơn cấp V thì HLBVĐB tối thiểu là 10 mét;

5. Các tuyến đường xã, đường liên ấp, và các tuyến đường tổ ấp còn lại không nằm trong quy hoạch được duyệt thì HLBVĐB tính từ tìm đường tối thiểu bằng 1,5 lần bề rộng thân đường.

6. Các đoạn đường, tuyến đường qua khu đô thị, khu vực đã có quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì áp dụng theo Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước và theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh được giao quản lý.

2. Sở Xây dựng quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường đô thị được giao quản lý.

3. UBND cấp huyện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện và đường đô thị được giao quản lý; phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn huyện.

4. UBND cấp xã quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn xã.

5. Chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu xây dựng công trình chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường chuyên dùng.

Chương III

SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 18. Khai thác sử dụng đất trong hành lang an toàn đường bộ

1. Trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ được xây dựng một số công trình thiết yếu nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép, gồm công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, công trình phục vụ quản lý, khai thác đường bộ, công trình viễn thông, điện lực, đường ống cấp, thoát nước, xăng, dầu, khí. Ngoài ra được tạm thời sử dụng vào mục đích nông nghiệp, quảng cáo nhưng không được làm ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ. Việc đặt biển quảng cáo trên đất hành lang an toàn đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

2. Người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang an toàn đường bộ thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ.

Trường hợp việc sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ thì chủ công trình và người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ để tiến hành hoạt động văn hoá (thể thao, diễu hành, lễ hội) phải gửi văn bản đề nghị và phương án bảo đảm an toàn giao thông đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền trước ngày diễn ra hoạt động văn hoá ít nhất là 10 ngày làm việc. Nội dung văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung, chương trình, thời gian sử dụng đường bộ.

2. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản về phương án bảo đảm giao thông phân cấp như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường quốc lộ được ủy thác, đường tỉnh, đường đô thị trong địa bàn tỉnh hoặc trên nhiều hệ thống đường bộ trong đó có đường tỉnh, đường đô thị;

b) Cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường huyện trong địa bàn huyện hoặc đối với hoạt động văn hóa diễn ra đồng thời trên cả đường huyện và đường xã trong địa bàn huyện;

c) UBND cấp xã chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường xã trong địa bàn quản lý.

3. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét, thống nhất bằng văn bản về phương án bảo đảm an toàn giao thông trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. Trường hợp cần hạn chế giao thông hoặc cấm đường thì cơ quan quản lý đường bộ phải ra thông báo phương án phân luồng giao thông; cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ để hoạt động văn hoá phải đăng tải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước 05 ngày diễn ra hoạt động văn hóa.

4. Cơ quan, tổ chức chủ trì hoạt động văn hóa chịu trách nhiệm thu dọn các phương tiện, thiết bị và hoàn trả hiện trạng đường bộ khi kết thúc hoạt động văn hóa; chịu trách nhiệm về việc mất an toàn giao thông do không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong phương án đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền thống nhất.

Điều 20. Sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông

1. Việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông không được gây mất trật tự, an toàn giao thông.

2. Lòng đường được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông trong các trường hợp dưới đây:

a) Điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; thời gian sử dụng tạm thời lòng đường không quá thời gian tổ chức hoạt động đó;

b) Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị; thời gian sử dụng từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

3. Vị trí lòng đường được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông phải đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Không thuộc tuyến quốc lộ đi qua đô thị;

b) Phần lòng đường còn lại dành cho các loại phương tiện có bề rộng tối thiểu bố trí đủ 02 làn xe cho một chiều đi;

c) Lòng đường có kết cấu chịu lực phù hợp với trường hợp được phép sử dụng tạm thời.

4. Sở Giao thông vận tải tham mưu UBND tỉnh quy định thủ tục hành chính và cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường được quy định tại Điều này;

Chương IV

BẢO ĐẢM GIAO THÔNG VÀ AN TOÀN GIAO THÔNG KHI THI CÔNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC

Mục 1

TRƯỚC KHI THI CÔNG

Điều 21. Cấp giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác

1. Việc xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu, công trình đường bộ, cầu nổi, biển quảng cáo tạm thời xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền thỏa thuận bằng văn bản ngay từ khi lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với công trình thiết yếu phải lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) và cấp phép thi công trước khi triển khai thi công, cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải thỏa thuận xây dựng và cấp phép xây dựng đối với công trình thiết yếu trên quốc lộ, đường tỉnh và tuyến đường được giao quản lý;

b) Sở Xây dựng thỏa thuận xây dựng và cấp phép xây dựng đối với công trình thiết yếu trên các tuyến đường đô thị và tuyến đường được giao quản lý;

c) UBND cấp huyện chấp thuận xây dựng và cấp phép xây dựng đối với công trình thiết yếu trên hệ thống đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý

Giấy phép thi công theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng công trình thiết yếu.

Điều 22. Nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường để thi công

Tổ chức, cá nhân đã được cấp phép thi công hoặc có văn bản thỏa thuận thi công phải làm thủ tục nhận bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công với đơn vị

quản lý đường bộ. Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường, tổ chức, cá nhân thi công phải chịu trách nhiệm quản lý và bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn; đồng thời, chịu mọi trách nhiệm nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để xảy ra tai nạn giao thông.

Mục 2

TRONG KHI THI CÔNG

Điều 23. Biện pháp và thời gian thi công

1. Trong suốt quá trình thi công, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng biện pháp, thời gian thi công đã được thống nhất, phải bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định và không được gây hư hại các công trình đường bộ hiện có. Trong trường hợp không thể tránh được, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công công trình đường bộ trên đường bộ đang khai thác là hạng mục công việc trong thiết kế tổ chức thi công và là một phần kinh phí của gói thầu.

3. Tổ chức, cá nhân thi công phải chịu sự kiểm tra của đơn vị quản lý đường bộ và thanh tra giao thông đường bộ trong việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn giao thông khi thi công tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải và trong giấy phép thi công, đồng thời chịu mọi trách nhiệm về sự mất an toàn giao thông do thi công gây ra.

Điều 24. Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Tổ chức, cá nhân thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ ngoài việc thực hiện các quy định có liên quan tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải còn phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Không để vật liệu, xe máy thi công che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông trên đường bộ đang khai thác;

b) Không để khói, bụi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường bộ đang khai thác;

c) Khi thi công lắp đặt các thiết bị có độ dài, kích thước lớn, phải có biện pháp bảo đảm an toàn không được để rơi, đổ vào đường bộ đang khai thác;

d) Có biện pháp thi công để không ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ hiện có. Trường hợp gây ảnh hưởng, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm việc san, đõ, ủi đất trong phạm vi đất dành cho đường bộ mà không phục vụ việc thi công công trình hợp pháp.

Điều 25. Đường tránh, cầu tạm và hệ thống báo hiệu đường bộ

1. Khi thi công cầu mới, nếu tiếp tục sử dụng cầu cũ để thông xe, đơn vị thi công cầu mới phải chịu trách nhiệm đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt trên cầu cũ cho đến khi cầu mới được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

2. Đường tránh, cầu tạm và hệ thống báo hiệu đường bộ bảo đảm an toàn giao thông phải được hoàn thành trước khi thi công công trình chính. Đường tránh, cầu tạm phải bảo đảm cho các loại phương tiện giao thông có tải trọng và kích cỡ mà đường cũ đã cho phép qua lại an toàn. Đường tránh, cầu tạm tại quốc lộ có tiêu chuẩn kỹ thuật từ cấp III trở lên phải có ít nhất 02 làn xe. Hệ thống báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông phải theo đúng quy định của Điều lệ báo hiệu đường bộ hiện hành.

Điều 26. Người cảnh giới

Trong suốt thời gian thi công nhất thiết phải có người cảnh giới, hướng dẫn giao thông; khi ngừng thi công phải có báo hiệu an toàn theo quy định như: biển chỉ dẫn, cờ và đèn đỏ vào ban đêm. Người cảnh giới hướng dẫn giao thông phải đeo băng đỏ bên cánh tay trái, được trang bị cờ, còi và đèn vào ban đêm.

Điều 27. Biển hiệu, phù hiệu, trang phục khi thi công

Tổ chức, cá nhân thi công phải có biển hiệu ở hai đầu đoạn đường thi công ghi rõ tên của cơ quan quản lý dự án hoặc chủ quản; tên đơn vị thi công, lý trình thi công, địa chỉ văn phòng công trường, số điện thoại liên hệ và tên của người chỉ huy trưởng công trường; người chỉ huy công trường nhất thiết phải có phù hiệu riêng để nhận biết, người làm việc trên đường phải mặc trang phục bảo hộ lao động theo quy định.

Điều 28. Xe máy thi công

1. Các xe máy thi công trên đường phải có đầy đủ thiết bị an toàn và đăng ký biển số theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài giờ thi công, xe máy thi công phải được tập kết vào bãi. Trường hợp không có bãi tập kết, phải đưa vào sát lề đường, tại những nơi dễ phát hiện và có biển báo hiệu cho người tham gia giao thông trên đường nhận biết.

3. Xe máy thi công hư hỏng phải tìm mọi cách đưa sát vào lề đường và phải có báo hiệu theo quy định.

Điều 29. Thi công ở nền đường, mặt đường, mặt cầu

Khi thi công ở nền đường, mặt đường, mặt cầu phải dành lại phần nền đường, mặt đường, mặt cầu để cho xe và người đi bộ qua lại, cụ thể như sau:

1. Mặt đường, mặt cầu rộng từ 3 làn xe trở xuống phải để ít nhất 1 làn xe.

2. Mặt đường, mặt cầu rộng trên 3 làn xe phải để ít nhất 2 làn xe.

3. Trường hợp không đủ bề rộng 1 làn xe hoặc có nguy cơ gây ùn tắc giao thông, phải làm đường tránh, cầu tạm. Với trường hợp tuyến đường độc đạo, mặt đường thi công hẹp không thỏa mãn các điều kiện thực tế nêu trên, có nguy cơ cao gây ách tắc giao thông trong khu vực thi công, phải đề xuất phương án đảm bảo giao thông ngay từ bước lập dự án (kể cả hỗ trợ bằng đường thủy, đường sắt); các hạng mục thành phần này phải được triển khai thi công trước, bảo đảm đưa vào khai thác trước khi thi công tuyến chính.

4. Trường hợp đào để mở rộng nền đường, đào đến đâu phải đắp ngay đến đó. Trường hợp thi công trên các đoạn nền đất yếu, đào hạ nền đường, đắp nền cao hơn 2 mét, phải có biện pháp riêng về tổ chức bảo đảm giao thông được tư vấn giám sát và Chủ công trình chấp thuận và cần có biện pháp ứng phó khi gặp trời mưa, thời tiết xấu.

5. Khi thi công móng và mặt đường: chiều dài mũi thi công không quá 300 mét, các mũi thi công cách nhau ít nhất 500 mét. Trong mùa mưa lũ, phải hoàn thành thi công dứt điểm từng đoạn sau mỗi ca, mỗi ngày, không để trôi vật liệu ra hai bên đường làm hư hỏng tài sản của nhân dân và gây ô nhiễm môi trường.

6. Trường hợp thi công công ngang đường mà không có đường tránh bảo đảm giao thông, chỉ được thi công tối đa trên 1/2 bề rộng mặt đường, 1/2 bề rộng mặt đường còn lại để bảo đảm giao thông. Các đường có lưu lượng xe lớn chỉ được thi công trên 1/3 chiều rộng mặt đường, 2/3 chiều rộng mặt đường còn lại để bảo đảm giao thông. Đối với đường có tiêu chuẩn kỹ thuật từ cấp III trở lên, nếu không đủ hai làn xe bảo đảm giao thông, phải đắp tạm mở rộng để bảo đảm đủ hai làn xe. Đối với đường có tiêu chuẩn kỹ thuật cấp IV, V và cấp VI, nếu không đủ một làn xe bảo đảm giao thông, phải đắp tạm mở rộng để bảo đảm đủ một làn xe. Khi thi công phải có hàng rào hộ lan quanh hố đào và đặt báo hiệu theo quy định về báo hiệu đường bộ hiện hành.

7. Khi thi công trên đường phải có phương án và thời gian thi công thích hợp với đặc điểm của từng loại công trình.

Điều 30. Vật liệu thi công

1. Vật liệu thi công chỉ được đưa ra đường đủ dùng từ 2 đến 3 đoạn thi công và chiều dài để vật liệu không kéo dài quá 300 mét. Phải để vật liệu ở một bên lề đường, không được để song song cả hai bên làm thu hẹp nền, mặt đường.

2. Trước đợt mưa lũ phải thi công dứt điểm, thu dọn hết vật liệu thừa trên đường và phải có phương án bảo đảm an toàn giao thông trong trường hợp xảy ra sự cố cầu, đường do mưa lũ gây ra trong phạm vi mặt bằng được giao thi công và phải gửi phương án đảm bảo an toàn giao thông cho đơn vị quản lý đường bộ địa phương để phối hợp.

3. Nghiêm cấm để các loại vật liệu tràn lan gây cản trở giao thông hoặc chảy ra mặt đường gây trơn trượt mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường hoặc đốt nhựa đường trên đường ở những nơi đông dân cư.

Điều 31. Thi công có sử dụng mìn hoặc có cấm đường

Khi thi công có sử dụng mìn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu nổ và bảo đảm an toàn. Ngoài ra, các trường hợp phải ngăn đường, cấm đường còn phải thực hiện các quy định sau:

1. Mỗi đợt ngăn đường, cấm đường không được kéo dài quá 01 giờ và phải cách nhau ít nhất 04 giờ để bảo đảm giao thông thông suốt. Phải bố trí thời gian cấm đường vào giờ thấp điểm.

2. Trong trường hợp cần thiết yêu cầu thời gian ngăn đường, cấm đường quá thời gian quy định tại khoản 1 Điều này phải được Sở Giao thông vận tải chấp thuận. Đối với các dự án có khối lượng thi công nổ phá mìn lớn, có nhiều gói thầu, nhiều mũi thi công, chủ đầu tư phải tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương về thời gian nổ mìn, thống nhất với cơ quan cấp phép thi công và phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Cấm nổ mìn từ 19 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau ở những nơi gần khu dân cư.

Điều 32. Thi công chặt cây ven đường

1. Khi chặt cây ven đường phải có báo hiệu và tổ chức gác hai đầu và bảo đảm khoảng cách an toàn; không cho cây đổ vào lòng đường gây cản trở giao thông. Trường hợp bắt buộc phải cho cây đổ vào lòng đường phải nhanh chóng đưa cây ra sát lề đường; khi chặt cây ở bất kỳ bộ phận nào của đường đều phải đào bỏ rễ cây và hoàn trả lại nguyên trạng bộ phận đường đó.

2. Nghiêm cấm các hành vi lao cành cây, các vật từ trên cao xuống nền, mặt đường.

Điều 33. Thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm

1. Đối với việc thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm khi vừa thi công sửa chữa, vừa cho xe qua lại phải tiến hành bảo đảm giao thông, cụ thể là lắp đặt biển báo hiệu đường hẹp, biển hạn chế tốc độ, biển báo công trường theo đúng quy định; tổ chức gác chắn và có người điều hành giao thông 24/24 giờ; vật tư, thiết bị thi công phải để gọn gàng vào bên trong hàng rào ngăn cách giữa phần dành cho thi công với phần dành cho giao thông; hệ thống dẫn điện, nước phục vụ thi công phải thường xuyên được kiểm tra để tránh xảy ra tai nạn.

2. Trường hợp không thể vừa thi công vừa bảo đảm giao thông, nhất thiết phải có đường tránh.

Điều 34. Thi công mở rộng đường lên, xuống bên phà, cầu phao

Khi thi công sửa chữa hoặc mở rộng đường lên, xuống bên phà, cầu phao, phải sửa 1/2 bề rộng của đường, phần còn lại của đường dành cho việc lên, xuống không nhỏ hơn 4 mét đối với đường lên, xuống cầu phao; không nhỏ hơn 6 mét đối với đường lên, xuống phà và phải có đủ thiết bị an toàn. Trường hợp không đủ bề

rộng tối thiểu, không đảm bảo an toàn cho xe lên, xuống phà, cầu phao phải làm bên tạm.

Điều 35. Trục vớt phao, phà bị đắm

Trường hợp thi công trục vớt phao, phà bị đắm, kể cả việc thanh thải các chướng ngại vật ở lòng sông dưới cầu phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định và phải dọn luồng cho cầu phao, phà hoạt động bình thường không để ách tắc giao thông.

Điều 36. Thu dọn mặt bằng, hiện trường và tiếp nhận bàn giao

1. Sau khi hoàn thành việc thi công một đoạn dài không quá 01 km hoặc 01 cầu, 01 cống, tổ chức, cá nhân thi công phải thu dọn toàn bộ các chướng ngại vật, hoàn trả lại mặt đường để giao thông được thông suốt, an toàn.

2. Trước khi nghiệm thu, bàn giao công trình, phải dọn toàn bộ vật liệu thừa, di chuyển máy móc, thiết bị, thanh toán các chướng ngại vật và sửa chữa các hư hỏng (nếu có) của công trình đường bộ do thi công gây ra.

3. Sau khi hoàn thành các công việc trên, tổ chức, cá nhân thi công báo cáo chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định; đồng thời bàn giao lại hiện trường, mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ đã bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản.

4. Đơn vị quản lý đường bộ phải kiểm tra thực tế hiện trường; nếu phát hiện thấy hiện trường chưa được thu dọn, công trình đường bộ bị hư hỏng do việc thi công gây ra mà không được sửa chữa, trả lại nguyên trạng có quyền từ chối nhận bàn giao hoặc yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, cá nhân thi công đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật, đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm làm thủ tục tiếp nhận việc bàn giao mặt bằng, hiện trường và tổ chức quản lý, bảo trì theo quy định.

Điều 37. Công trình đã hoàn thành thi công nhưng chưa nghiệm thu, bàn giao công trình

1. Chủ đầu tư phải khẩn trương hoàn thành công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

2. Đối với công trình thi công trên đường bộ đang khai thác, nhà thầu thi công có trách nhiệm tiếp tục bảo đảm giao thông, an toàn giao thông đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị quản lý tuyến đường.

3. Đối với công trình thi công là đường chưa khai thác (công trình xây dựng đường mới, tuyến tránh; sửa chữa, cải tạo cầu, đường nhưng có đường công vụ phục vụ thi công), nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo vệ công trình, không cho các phương tiện tham gia giao thông khi chưa có lệnh thông xe và chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan cho tới khi bàn giao cho đơn vị quản lý.

Điều 38. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu trong suốt quá trình thi công, bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Trường hợp nhà thầu vi phạm và đã nhận được kiến nghị của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền nhưng không chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, tiếp tục để xảy ra tình trạng mất an toàn giao thông khi thi công, chủ đầu tư xem xét xử phạt theo hợp đồng kinh tế hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để có biện pháp xử lý thích hợp.

2. Khi ký kết hợp đồng xây dựng, chủ đầu tư phải thỏa thuận với nhà thầu thi công điều, khoản xử phạt vi phạm hợp đồng nếu không thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm giao thông, an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây mất an toàn và ùn tắc giao thông.

Chương V

THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 39. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông

1. Đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Đối với hệ thống quốc lộ, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông; Cơ quan quản lý nhà nước có chức năng về quản lý xây dựng công trình giao thông đường bộ chủ trì thẩm định an toàn giao thông đối với các dự án do Bộ Giao thông vận tải là cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Chủ đầu tư quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông, tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông (kể cả dự án thực hiện theo hình thức Hợp đồng BOT, BT, BTO).

b) Đối với các hệ thống đường địa phương, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông. Chủ đầu tư quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông và tổ chức thực hiện (kể cả dự án thực hiện theo hình thức Hợp đồng BOT, BT, BTO).

c) Đối với đường chuyên dùng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông, quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông.

2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác

a) Bộ Giao thông vận tải quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường cao tốc;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với quốc lộ (trừ đường cao tốc);

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông. Chủ đầu tư quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an

toàn giao và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện.

Điều 40. Căn cứ làm cơ sở thẩm định an toàn giao thông, trình tự thủ tục và nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương VI

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 41. Sở giao thông vận tải có trách nhiệm

1. Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý; hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND huyện quản lý.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

4. Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

5. Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

6. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, lực lượng Công an và chính quyền địa phương thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

7. Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

8. Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

9. Hướng dẫn về tốc độ, tải trọng cho phép chạy trên đường, cấp giấy phép các loại xe quá khổ, quá tải, bánh xích theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 42. Công an tỉnh có trách nhiệm

1. Chỉ đạo lực lượng công an tổ chức tuần tra kiểm soát trên đường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

4. Chỉ đạo Công an cấp huyện hỗ trợ UBND các huyện, thị xã xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện cưỡng chế giải tỏa lấn, chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ.

Điều 43. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung) và Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý hệ thống đường đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, sử dụng đất hành lang giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu, công trình điện dọc theo đường bộ phù hợp với quy hoạch và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách

Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra việc sử dụng ngân sách Nhà nước cho việc quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh và nguồn hỗ trợ đối với đường giao thông nông thôn đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

8. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng trong việc cấp phép lắp đặt biển quảng cáo theo đúng quy hoạch và quy định về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

9. Các chủ đầu tư khi lập quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình liên quan đến hành lang an toàn đường bộ thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Cơ quan quản lý đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn bản trong vòng 07 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

Điều 44. UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm

1. UBND cấp huyện

a) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện, thị xã quản lý;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ;

d) Phối hợp với lực lượng Công an, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đường bộ, lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả Quốc lộ, các tuyến đường tỉnh trên địa bàn quản lý);

đ) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình giao thông được phân cấp quản lý, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa;

e) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường xã theo đúng quy định hiện hành.

2. UBND cấp xã:

- a) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc xã quản lý;
- b) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật;
- c) Phối hợp với các đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ; bảo vệ các mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng đã được bàn giao cho UBND cấp xã quản lý;
- d) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm; phát hiện, ngăn chặn và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả Quốc lộ, các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị trên địa bàn quản lý);
- đ) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị tại chỗ để bảo vệ công trình giao thông theo phân cấp quản lý, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

Điều 45. Việc sử dụng công trình trong phạm vi bảo vệ đường bộ phải theo đúng văn bản thỏa thuận và giấy phép thi công của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

Trước khi thi công và sau khi thi công xong chủ đầu tư phải báo cáo cho đơn vị trực tiếp quản lý công trình giao thông biết để kiểm tra.

Điều 46. Các đường chuyên dùng, các đường BOT, BT, BTO do tổ chức, cá nhân được phép đầu tư xây dựng, khai thác phải tự chịu trách nhiệm bảo vệ trong suốt thời gian xây dựng và khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Tất cả các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan hoặc ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ đều phải có ý kiến của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền ngay từ giai đoạn lập, thẩm định và trình duyệt dự án.

Điều 48. Trách nhiệm bảo vệ công trình giao thông đường bộ của chủ đầu tư, nhà thầu thi công các công trình giao thông đường bộ

1. Các chủ đầu tư, các nhà thầu thi công trên các đoạn đường theo dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa phải có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ trong suốt thời gian thi công kể từ khi nhận đường cho đến khi bàn giao lại đường cho đơn vị quản lý khai thác.

2. Các chủ đầu tư khi bàn giao công trình đã hoàn thành cho đơn vị quản lý phải bàn giao đầy đủ hồ sơ giải phóng mặt bằng, mốc giải phóng mặt bằng và mốc chỉ giới hành lang đường bộ (mốc lộ giới) nếu có.

Điều 49. Các công trình bắt buộc phải xây dựng nằm trong HLBVĐB hoặc nằm ngoài HLBVĐB nhưng ảnh hưởng đến an toàn công trình giao thông hoặc an toàn cho hoạt động giao thông vận tải đường bộ, chủ dự án phải xin ý kiến thỏa

thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền ngay từ khi lập dự án và chỉ được phép thi công khi được Tổng cục đường bộ Việt Nam (đối với quốc lộ), Sở Giao thông vận tải (đối với đường địa phương) cấp phép thi công.

Điều 50. Một số công trình được phép sử dụng HLBVĐB hoặc ngoài hành lang, nhưng ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ phải tuân thủ theo các quy định sau:

1. Các cột điện, điện tín, điện thoại ở ngoài phạm vi nội thành, nội thị hoặc khu đông dân cư phải cách mép nền một khoảng cách ít nhất bằng 1,3 chiều cao của cột (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) khi chiều cao cột lớn hơn 4,0 mét, bằng 05 mét khi chiều cao của cột nhỏ hơn hoặc bằng 4,0 mét. Đối với các cột điện, điện tín, điện thoại nằm trong khu quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo nội dung quyết định đó.

2. Các cơ sở sản xuất có vùng ảnh hưởng khói bụi, ô nhiễm không khí làm giảm tầm nhìn phải cách ranh giới ngoài của hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách tương ứng vùng ảnh hưởng do cơ sở sản xuất gây ra.

3. Lò vôi, lò gạch hoặc các cơ sở sản xuất tương tự phải nằm ngoài và cách hành lang an toàn đường bộ 25 mét.

4. Nơi họp chợ, điểm kinh doanh dịch vụ bố trí bãi dừng đỗ xe, nơi tập kết hàng hóa phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và tổ chức điểm đầu nối ra, vào đường bộ theo quy định.

5. Các kho chứa vật liệu nổ, vật liệu có nguy cơ cháy cao, hóa chất độc hại, các mỏ khai thác vật liệu có sử dụng mìn phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách bảo đảm an toàn cho hoạt động giao thông vận tải do cháy, nổ và ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

6. Các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác, trừ các công trình đã quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và cách hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách theo không gian kiến trúc quy định về khoảng cách xây dựng công trình.

7. Các công trình khác ở ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ thì chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng phải khắc phục, sửa chữa kịp thời.

Điều 51. Phối hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Việc xây dựng công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ phải được sự thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Việc xây dựng công trình đường bộ có liên quan đến công trình thủy lợi phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý công trình thủy lợi.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan phòng, chống lụt, bão, chống hạn, chống úng có thể sử dụng công trình giao thông đường bộ để thực hiện và có trách nhiệm khôi phục nguyên trạng thái ban đầu của công trình giao thông đường bộ.

3. Trường hợp cơ quan quản lý công trình đường bộ và cơ quan quản lý công trình thủy lợi đều có kế hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình, thì việc xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công trình phải kết hợp với nhau.

4. Việc xây dựng công trình mới làm ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình có trước hoặc làm trở ngại đến tác dụng của công trình đó thì cơ quan chủ quản công trình xây dựng mới phải có biện pháp xử lý bằng kỹ thuật theo sự thoả thuận của cơ quan chủ quản công trình cũ bị ảnh hưởng và chịu phí tổn để sửa chữa, khôi phục. Nếu đồng thời muốn cải tạo, mở rộng nâng cấp công trình có trước, thì cơ quan chủ quản công trình cũ phải đầu tư phần tăng thêm.

5. Việc quản lý, sử dụng những đoạn đê vừa là đường giao thông, vừa là đê phải tuân theo pháp luật về bảo vệ đê điều và pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên nguyên tắc ưu tiên hàng đầu cho việc đảm bảo an toàn đê điều.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 52. Khen thưởng

1. Cá nhân hay tổ chức nào có thành tích trong việc quản lý bảo vệ đường bộ, ngăn chặn và phát hiện, tố giác các vụ vi phạm hành lang bảo vệ đường bộ, xâm hại, phá hoại công trình giao thông sẽ được khen thưởng của cấp có thẩm quyền.

2. Người thi hành công vụ có thành tích được khen thưởng theo chế độ chung đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước.

Điều 53. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định bảo vệ công trình giao thông đường bộ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt hành chính theo quy định hiện hành. Trường hợp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 54. UBND các cấp, lực lượng Cảnh sát nhân dân và Thanh tra giao thông đường bộ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 55. Xử lý các tồn tại

1. Đối với các tuyến đường bộ đã được cấm mốc HLBVĐB theo Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 13/6/2012, Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 20/6/2012, Quyết định số 110/2004/QĐ-UB ngày 22/11/2004, Quyết định số 25/1998/QĐ-UB ngày 10/3/1998 của UBND tỉnh Bình Phước và Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 11/02/1991 của UBND tỉnh Sông Bé mà chỉ số HLBVĐB rộng hơn bề rộng được quy định theo Quyết định này thì vẫn giữ nguyên bề rộng như đã

cắm mốc. Trường hợp bề rộng hành lang bảo vệ theo các Quyết định trên nhỏ hơn bề rộng được quy định theo Quyết định này thì phải cắm mốc HLBVĐB theo quy định tại Quyết định này.

2. Tất cả các công trình đã được xây dựng trong phạm vi HLBVĐB theo từng thời điểm mà không được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng là vi phạm và cần phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ đường. Trường hợp khó khăn chưa thể thực hiện di dời, thì chủ công trình phải có cam kết với Ủy ban nhân dân địa phương và cơ quan quản lý đường bộ nghiêm chỉnh thực hiện Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, không coi nới hoặc mở rộng thêm và di chuyển ngay khi Nhà nước có yêu cầu.

3. Đối với các công trình đã xây dựng từ năm 1982 trở về trước nằm trong HLBVĐB theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và các công trình được xây dựng trước thời điểm có hiệu lực thi hành Quyết định này, nằm ngoài phạm vi HLBVĐB theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 nhưng nằm trong phạm vi HLBVĐB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Nghị định 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ và theo quy định của Quyết định này, nếu xét thấy không ảnh hưởng tới ổn định bền vững của cầu, đường và an toàn giao thông thì tạm thời được để lại nhưng không được phát triển thêm; người sử dụng đất phải ký cam kết với UBND cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường về việc không coi nới, mở rộng. Trường hợp công trình bị xuống cấp, người sử dụng có nhu cầu sửa chữa để tiếp tục sử dụng, thì phải xin cấp giấy phép tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang bảo vệ đường bộ được công bố.

5. Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các địa phương căn cứ HLBVĐB theo quy định tại Quyết định này để thực hiện nhưng phải thể hiện được phần chênh lệch diện tích giữa giấy chứng nhận cũ và mới (do phải trừ HLBVĐB theo quy định) khi nhà nước có nhu cầu sử dụng sẽ hỗ trợ, bồi thường theo quy định.

6. Đối với trường hợp lấn, chiếm sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, kiên quyết giải tỏa, không bồi thường cho các tổ chức, cá nhân vi phạm.

7. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải tỏa khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, pháp luật về đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 56. Xử lý các trường hợp đã được cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố

1. Trường hợp đáp ứng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 và khoản 2, khoản 3 Điều 20 Quy định này, được phép tiếp tục sử dụng, khi hết thời hạn được phép sử dụng phải thực hiện lại thủ tục xin cấp phép.

2. Trường hợp không đáp ứng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 và khoản 2, khoản 3 Điều 20 Quy định này, được phép tiếp tục sử dụng không quá 30 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, sau đó phải hoàn trả đúng hiện trạng ban đầu của lòng đường, hè phố để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Điều 57. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

BẢNG PHỤ LỤC HLBVĐB CÁC TUYẾN QL, ĐT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

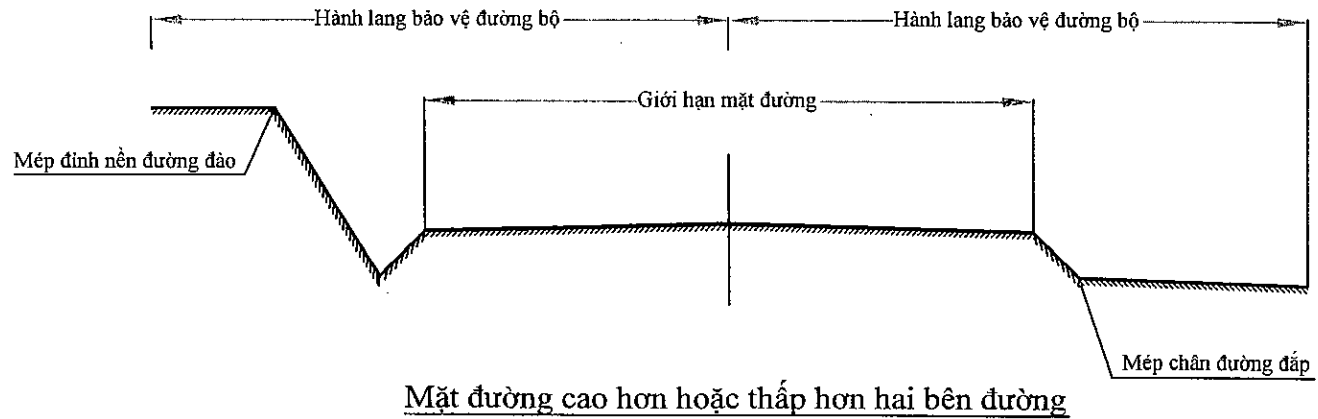
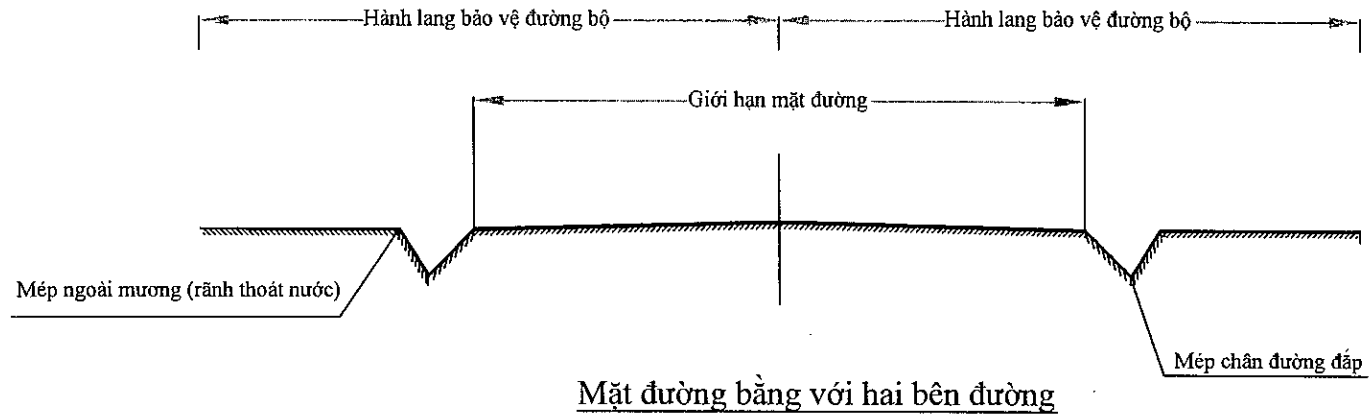
(Kèm theo Quy định tại Quyết định số 06 /2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2014 của UBND tỉnh)

TT	Tên đường (Số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Cấp đường theo quy hoạch	Nền đường quy hoạch (m)	Bề rộng trung bình của mương + Taluy (m)	Phần đất bảo trì (m)	Hành lang an toàn đường bộ (m)	Hành lang bảo vệ đường bộ tính từ tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
1	QL.13			79,9							
	Km62+600 - Đường Nguyễn Thái Học, TX. Bình Long	Cầu Tham Rót	Đường Nguyễn Thái Học, TX. Bình Long	35,08	III	30	2	2	13	30	Giữ nguyên theo QĐ110
	Đường Nguyễn Thái Học, TX. Bình Long - Km142+200	Đường Nguyễn Thái Học, TX. Bình Long	Hoa Lư	44,82	III	30	2	2	13	28,5	Giữ nguyên theo QĐ110
2	QL.14			113,357							
	Km887+200 - Km962+306	Ranh giới tỉnh Đắk Nông	Đồng Xoài	75,107	III	30	12	2	13	42	Giữ nguyên theo QĐ110
	Km962+306 - Km1001+360	Đồng Xoài	Ngã tư Chơn Thành	38,25	III	30	7,5	2	13	37,5	Giữ nguyên theo QĐ110
3	ĐT.741			135,808							
	Km49+537 - Km143+137	Bàu Tru (ranh tỉnh Bình Dương)	Ngã 3 đường Gerbert (QH QL.14C)	93,60	III	24	3	2	13	30	Giữ nguyên theo QĐ110
	Km143+137 - Km185+345	Ngã 3 đường Gerbert (QH QL.14C)	Ranh tỉnh Đắk Nông	42,208	III	30	1,5	2	13	32	QH QL.14C
4	ĐT.741B (đường Đồng Phú - Bình Dương)	Km954+000 (QL.14)	Km47+056 (ĐT.741), xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	36,6	II	65	12,5	3	17	65	Đường quy hoạch
5	ĐT.751	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Bà Và (ranh tỉnh Bình Dương)	8,1	III	9	1,5	2	13	21	
6	ĐT.752			16,8							
	Đoạn từ ranh nội ô TX Bình Long đến đường quy hoạch	Đường vành đai phía Tây	Đường QH QL.14C	13,4	III	9	1,5	2	13	21	
	Đoạn đường QH QL.14C đến ranh tỉnh Tây Ninh	Đường QH QL.14C	Cầu Sài Gòn I (ranh Tây Ninh)	3,4	III	30	2	2	13	32	QH QL.14C
7	ĐT.752B (Minh Lập - Minh Hưng - Đồng Nơ - Tổng Lê)	QL.14 (Xã Minh Lập, huyện Hớn Quản)	ĐT.752	26,9	II	64		3		35	Đường quy hoạch
8	ĐT.752C (đường Xa Cát - Minh Đức)	QL.13 (Ngã 3 Xa Cát, huyện Hớn Quản)	ĐT.752 (xã Minh Đức, huyện Hớn Quản)	15	II	64				32	Đường quy hoạch
9	ĐT.753	Ngã tư Sóc Miên (P.Tân Xuân, TX. Đồng Xoài)	Mã Đà (ranh tỉnh Đồng Nai)	30	III	12	1,5	2	13	21	

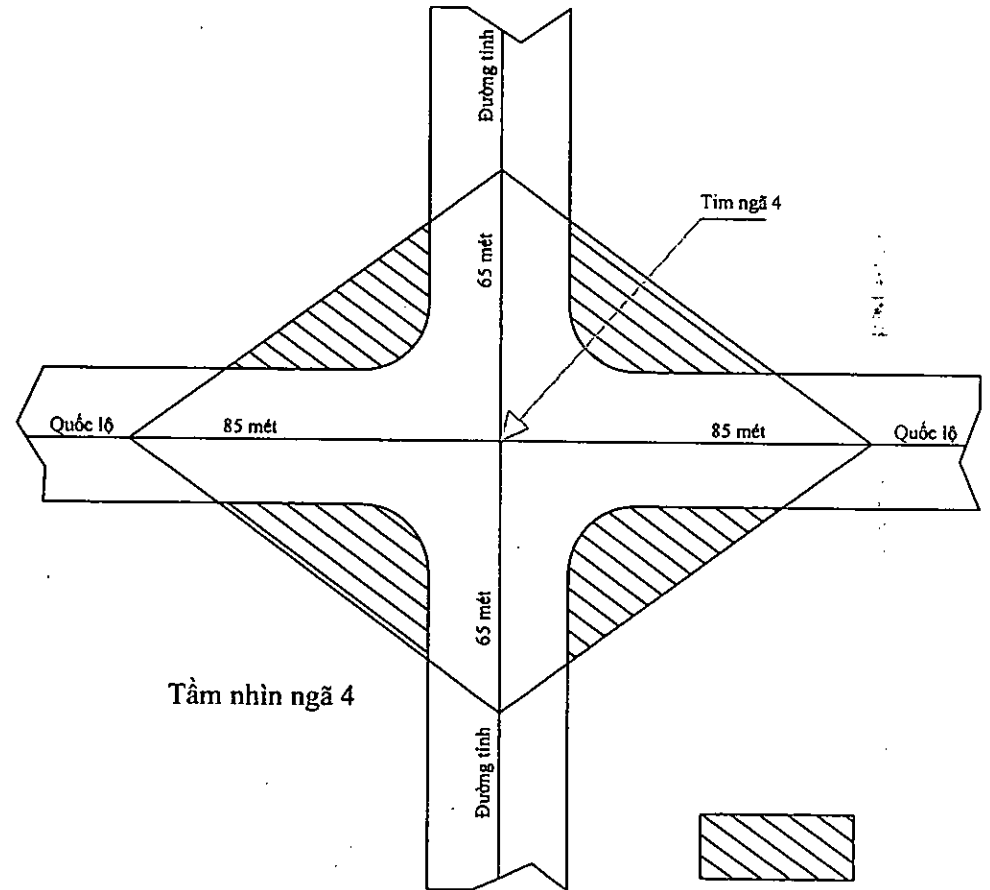
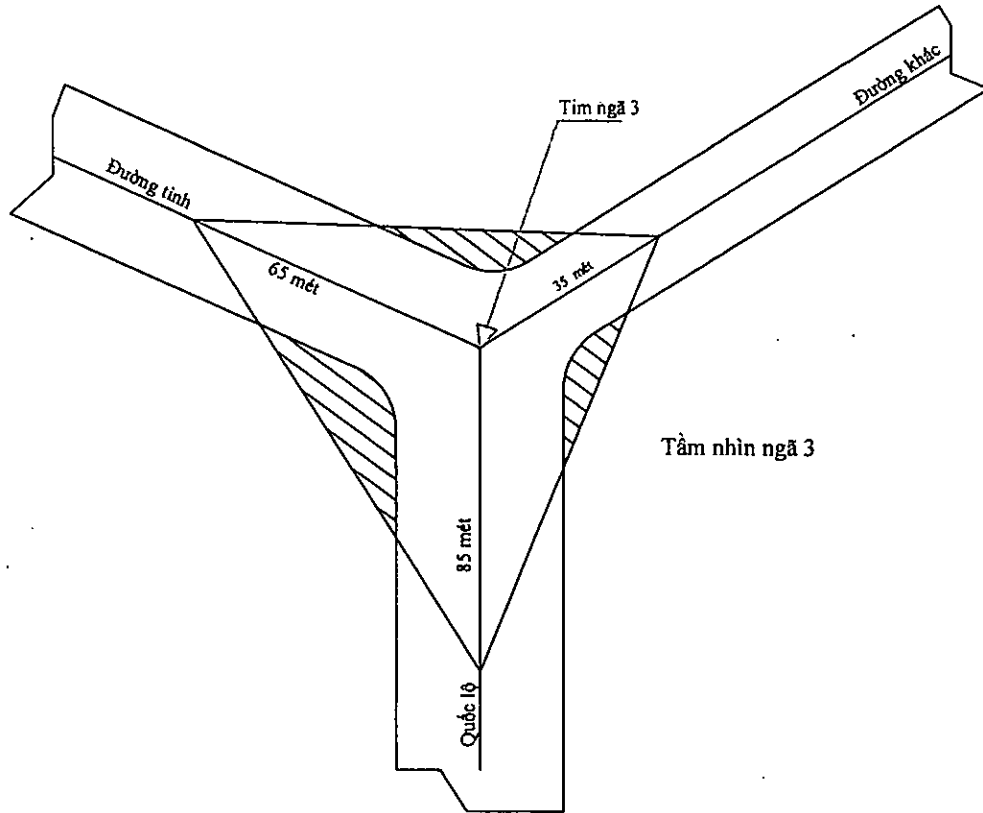
10	ĐT.753B (Phú Riềng - Bù Na - Cát Tiên)	ĐT.741 (xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập)	Nam Cát Tiên (ranh tỉnh Đồng Nai)	55	III	9	1,5	2	13	21	Phú Riềng - Đường Bù Na - Nam Cát Tiên
11	ĐT.754	Km9+916 (ĐT.754B)	Sông Sài Gòn (nối với ĐT.792 - tỉnh Tây)	12,251	III	9	1,5	2	13	21	
12	ĐT.754B (đường Đông Tâm - Tà Thiết)	QL.13 (ngã 3 Đông Tâm)	Km0+000 (ĐT.754)	9,916	III	30	2	2	13	32	QH QL.14C
13	ĐT.754C (đường Hoa Lư - Tổng Lê Chân)	QL.13 (mũi Chiu Riu)	QL.14C	38,1	III	9	1,5	2	13	21	Đường quy hoạch
14	ĐT.755	Xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	Khu Công nghiệp Nam Đồng Phú	51,03	III	9	1,5	2	13	21	
15	ĐT.755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Ngã 3 Sao Bọng, QL.14	Cầu Phước Cát (ranh tỉnh Lâm Đồng)	33,6	III	9	1,5	2	13	21	
16	ĐT.756	QL.14 (xã Minh Lập, huyện Chơn Thành)	ĐT.759B (xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh)	50,332	III	9	1,5	2	13	21	
17	ĐT.756B (Nha Bích - Tân Khai - Đồng Nơ)	Xã Nha Bích	Xã Đồng Nơ	26,4	III	9	1,5	2	13	21	Đường quy hoạch
18	ĐT.756C	ĐT.756B (xã Tân Quan)	ĐT.756 (xã Minh Lập)	10,2	III	9	1,5	2	13	21	Đường quy hoạch
19	ĐT.757	ĐT.741 (xã Bù Nho)	QL.13 (xã Thanh Lương, TX. Bình Long)	35,966	III	9	1,5	2	13	21	
20	ĐT.757B	ĐT.757 (xã Long Hà)	Xã Tân Thành, Bù Đốp (Biên giới Campuchia)	30,8	III	9	1,5	2	13	21	Đường quy hoạch
21	ĐT.758	ĐT.741 (xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú)	Đường PTT1 (đường vào UBND P. Phú Thịnh)	34,31	III	9	1,5	2	13	21	
22	ĐT.759	QL.14 (ngã ba Bù Na)	ĐT.759B (ngã ba Thanh Hòa)	49,6	III	24	2	2	13	29	
23	ĐT.759B			40,65							
	Km0+000 - Km37+000	QL.13 (ngã ba liên ngành)	Ngã ba đường mười (Thiện Hưng, Bù Đốp)	37	III	30	2	2	13	32	QH QL.14C
	Km37+000 - Km40+650	Ngã ba đường mười (Thiện Hưng, Bù Đốp)	Cầu Sông Măng	3,65	III	24	2	2	13	29	
24	ĐT.760	QL.14 (ngã ba Minh Hưng)	Q.13 (TT. Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh)	109	III	9	1,5	2	13	21	
25	ĐT.760B (đường Thọ Sơn - Bù Gia Mập)	QL.14 (ngã ba Thọ Sơn)	ĐT.741 (xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập)	42,5	III	9	1,5	2	13	21	Đường quy hoạch



PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN VỀ HÀNH LANG BẢO VỆ ĐƯỜNG BỘ



PHỤ LỤC TÂM NHÌN NƠI GIAO NHAU



Phạm vi giải tỏa để bảo đảm
tâm nhìn ngã 3, ngã 4

